

Hà Tĩnh

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình

NHÓM 5/6

XẾP LOẠI

Trung bình

Nhóm 5/6 — Hạng 23/34 tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

18,18

/ 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) 3,48 điểm.

TRỤ CỘT YẾU NHẤT

28/34

Thực hiện pháp luật — khoảng cách lớn nhất trong bốn trụ cột (-1,83).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 22 / 34

4,20 / 10

-0,59 so với TB

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 28 / 34

3,37 / 10

-1,83 so với TB

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 24 / 34

5,36 / 10

-0,46 so với TB

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 22 / 34

5,70 / 10

-0,26 so với TB

★ ĐIỂM MẠNH TƯƠNG ĐỐI

#3

A8 — Thông tin dự báo & định hướng thị trường do CQQL địa phương cung cấp

#6

C7 — Hiệu quả thực thi chính sách/chương trình hỗ trợ

#8

A7 — Chất lượng các sự kiện về FTA

#8

C9.2 — Chất lượng tài liệu hướng dẫn xúc tiến thương mại

KHOẢNG TRỐNG NGHIÊM TRỌNG

Hạng 34

B7 — Mức độ phản hồi từ CQQL địa phương để cập nhật VBPL

Hạng 33

B5 — Mức độ tham gia tập huấn với VBPL

Hạng 33

B6 — Mức độ DN tham gia phản hồi chính sách

Hạng 31

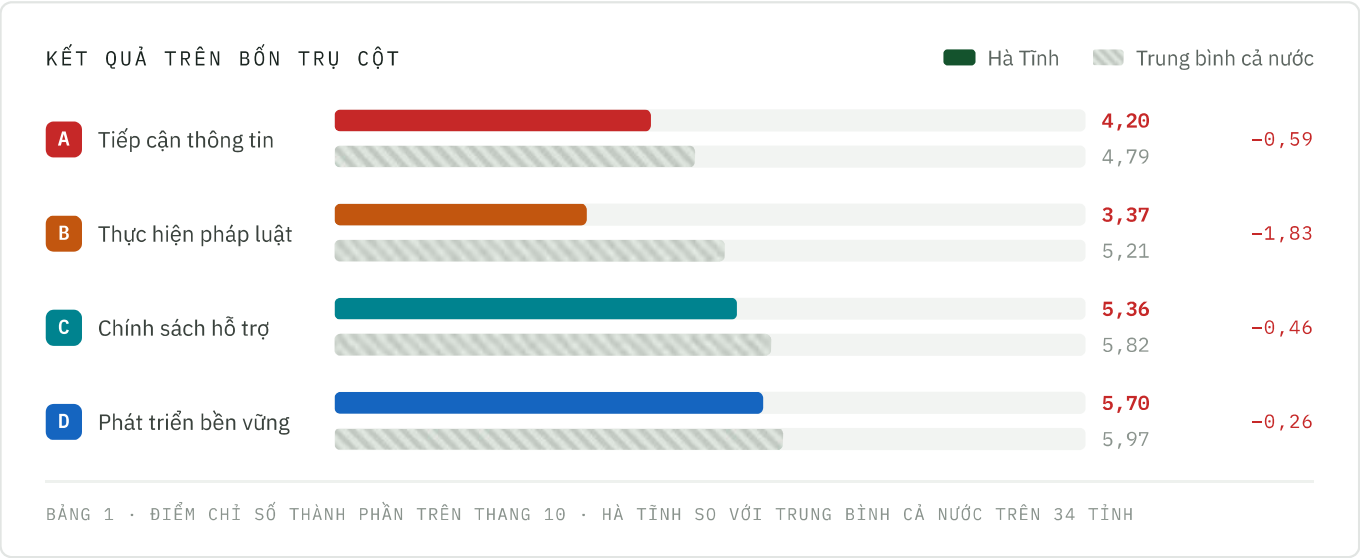
A4/C3/C9.1 — Chất lượng thông tin, hình thức tận dụng, tần suất tham gia CT xúc tiến thương mại

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

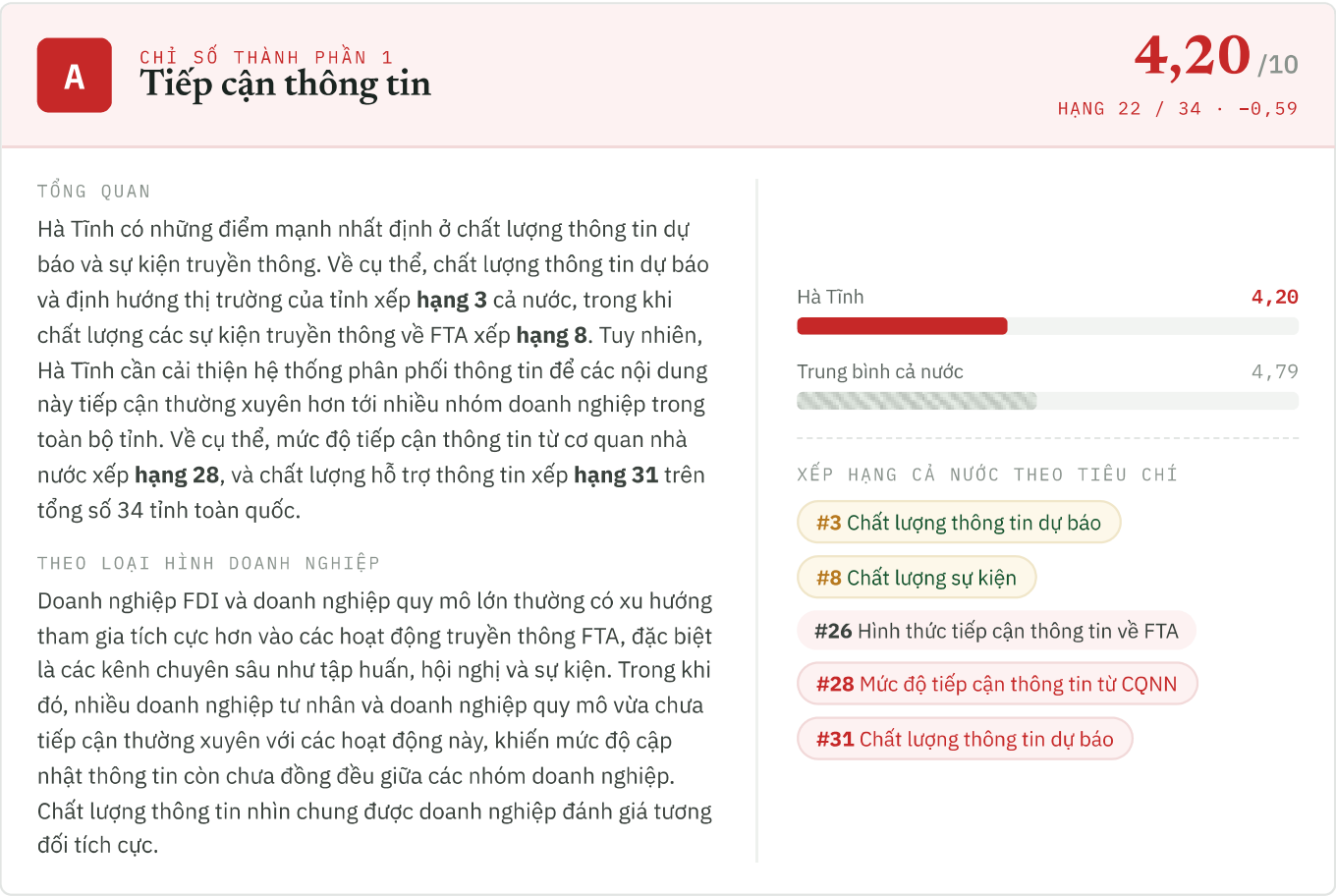
01 Tổng quan kết quả

Hà Tĩnh đạt **18,18 trên 40 điểm**, xếp **hạng 23/34**, và được xếp vào nhóm **Trung bình**. Điểm số của tỉnh thấp hơn 3,48 điểm so với mức trung bình cả nước (21,66). Kết quả này cho thấy, hồ sơ thực thi FTA của tỉnh được định hình

bởi một tương phản rõ rệt: ở nơi dịch vụ được hỗ trợ triển khai, **chất lượng thường mạnh**, nhưng **độ phủ vẫn còn hạn chế**. Tuy nhiên, trụ cột cần mức độ cải thiện hơn nữa là **thực hiện pháp luật (hạng 28)**, do mức tham gia đào tạo, tư vấn và phản hồi còn thấp.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần



Kết quả phản ánh rằng, điểm hạn chế chính của thành phần phần lớn nằm ở mức độ thường xuyên và khả năng doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động thực thi pháp luật. Về cụ thể, chất lượng hướng dẫn văn bản pháp luật xếp **hạng 18**, phản ánh nền tảng hỗ trợ vẫn có tính hữu ích nhất định. Tuy nhiên, việc tham gia đào tạo, tập huấn về VBPL và phản hồi chính sách đều xếp **hạng 33**; và mức độ phản hồi từ CQNN để cập nhật VBPL xếp **hạng 34** cả nước.

THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp FDI có mức độ hiểu biết tốt hơn về quy tắc xuất xứ và biểu thuế ưu đãi. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân còn gặp nhiều khoảng trống về mức độ hiểu biết. Các yêu cầu pháp lý mới hơn, bao gồm cam kết về môi trường, lao động và các quy định nội luật liên quan đến thực thi FTA, vẫn là nhóm nội dung khó đối với nhiều doanh nghiệp. Khoảng cách này rõ hơn ở doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp nhà nước, cho thấy nhu cầu về các chương trình hướng dẫn thực tiễn, dễ tiếp cận và phân nhóm theo năng lực doanh nghiệp.

Hà Tĩnh

3,37

Trung bình cả nước

5,21

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#18 Chất lượng hướng dẫn VBPL

#25 Tần suất hướng dẫn VBPL

#33 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết

#33 Phản hồi chính sách

#34 Mức độ phản hồi từ CQNN để cập nhật VBPL

C

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

5,36 /10

HẠNG 24 / 34 · -0,46

TỔNG QUAN

Hà Tĩnh đã có nền tảng nhất định trong việc hỗ trợ doanh nghiệp khai thác FTA. Điểm nổi bật nằm ở hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh (xếp **hạng 6** cả nước), và chất lượng chương trình xúc tiến thương mại (xếp **hạng 8**). Tuy nhiên, các chỉ tiêu phản ánh mức độ lan tỏa và chiều sâu sử dụng FTA vẫn còn hạn chế. Về cụ thể, chương trình hỗ trợ cần thiết để tận dụng hiệu quả FTA xếp **hạng 30**, trong khi hình thức tận dụng và tần suất tham gia chương trình xúc tiến thương mại xếp **hạng 31**.

THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Ưu đãi thuế quan là lợi ích FTA được sử dụng phổ biến nhất. Trong khi đó, các cam kết kỹ thuật hơn như quy tắc xuất xứ, SPS, TBT, sở hữu trí tuệ và phòng vệ thương mại được sử dụng ít hơn. Doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân gặp nhiều khoảng trống hơn về nhận thức và năng lực thực thi, nhất là khi áp dụng các cam kết đòi hỏi hiểu biết kỹ thuật và hồ sơ tuân thủ phức tạp hơn.

Hà Tĩnh

5,36

Trung bình cả nước

5,82

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#6 Hiệu quả chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh

#8 Chất lượng chương trình xúc tiến thương mại

#30 Chương trình hỗ trợ cần thiết để tận dụng hiệu quả FTA

#31 Hình thức tận dụng

#31 Tần suất tham gia chương trình xúc tiến thương mại

D

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4

Cam kết phát triển bền vững

5,70 /10

HẠNG 22 / 34 · -0,26

TỔNG QUAN

Doanh nghiệp trong tỉnh đã có nền tảng nhận thức nhất định về các yêu cầu PTBV trong TMQT. Các chỉ tiêu nổi bật gồm: nhận thức về tác động của cam kết phát triển bền vững (xếp **hạng 12**), hiểu biết về SDG (xếp **hạng 14**). Tuy nhiên, Hà Tĩnh cần củng cố thêm các hỗ trợ thực tiễn để giúp doanh nghiệp có thêm năng lực tuân thủ cụ thể. Về cụ thể, hình thức hỗ trợ xếp **hạng 23**, và hiệu quả hỗ trợ từ cơ quan nhà nước xếp **hạng 28**.

THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Hà Tĩnh

5,70

Trung bình cả nước

5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#12 Nhận thức tác động của cam kết PTBV

Doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp nhà nước nhìn chung có mức độ nhận thức cao hơn về các cam kết PTBV. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân còn nhiều điểm chưa chắc chắn. Các cam kết về lao động và môi trường được đánh giá là có khả năng tạo tác động lớn nhất tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, mức độ chuẩn bị tuân thủ vẫn chưa đồng đều giữa các nhóm doanh nghiệp, cho thấy nhu cầu tiếp tục mở rộng hướng dẫn theo ngành và theo quy mô doanh nghiệp.

#14 Vai trò tuân thủ cam kết PTBV đến hoạt động DN

#20 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV

#23 Hình thức hỗ trợ

#28 Hiệu quả hỗ trợ trong tuân thủ cam kết PTBV

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH PHÁT HUY

- **Có chất lượng thông tin tốt về thị trường:** nền tảng tốt về thông tin dự báo và định hướng thị trường có thể giúp hỗ trợ doanh nghiệp theo dõi biến động nhu cầu, giá cả và yêu cầu từ các thị trường FTA.
- **Các dịch vụ hỗ trợ có chất lượng khi được triển khai:** sự kiện truyền thông về FTA, xúc tiến thương mại và chính sách hỗ trợ được đánh giá tương đối tích cực.
- **Doanh nghiệp đã có nhận thức nhất định về yêu cầu PTBV:** là nền tảng quan trọng đối với các ngành xuất khẩu chịu áp lực lớn về môi trường, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn khác từ thị trường nhập khẩu.

ĐIỂM THEN CHỐT CẦN CẢI THIẾN

- **Độ phủ thông tin và hỗ trợ còn hạn chế:** các nội dung dự báo, sự kiện truyền thông và xúc tiến thương mại chưa tiếp cận thường xuyên tới nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân.
- **Doanh nghiệp còn ít tham gia vào quá trình thực thi FTA:** tập huấn, tư vấn, phản hồi chính sách và cập nhật VBPL chưa trở thành kênh đồng hành thường xuyên giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp.
- **Năng lực tận dụng FTA và tuân thủ tiêu chuẩn mới cần được mở rộng:** các cam kết kỹ thuật, phát triển bền vững và yêu cầu thị trường nhập khẩu cần được hỗ trợ thực tiễn hơn.

Các bước tiếp theo

NGAY BÂY GIỜ · 0-12 THÁNG

TIẾP THEO · 1-3 NĂM

1

Thúc đẩy sự tham gia của DN

Đưa DN tham gia hoạt động đào tạo pháp lý, tư vấn chính sách thông qua hiệp hội ngành và mạng lưới XK

B 28 → cao hơn

2

Mở rộng tiếp cận thông tin tới DN

Có hình thức phân phối thông tin dự báo và định hướng thị trường hiệu quả hơn; nâng cao nhận biết và tiếp cận cổng điện tử

A 22 → cao hơn

3

Tăng tần suất xúc tiến TM

Mở rộng quy mô triển khai xúc tiến thương mại và chính sách hỗ trợ năng cao năng lực cạnh tranh tới DN

C 24 → cao hơn

4

Hỗ trợ phát triển bền vững

Tăng cường hiệu quả hỗ trợ của chính quyền địa phương cho doanh nghiệp xuất khẩu công nghiệp nặng và nông sản.

D 22 → cao hơn

MỤC TIÊU



Chuyển từ nhóm “Trung bình” lên “Khá” – mở rộng việc tiếp cận các chương trình chất lượng cao đến nhiều doanh nghiệp hơn và đưa doanh nghiệp vào quy trình đào tạo và góp ý xây dựng chính sách